



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ HỢP ĐỒNG

(Hợp đồng số 154/2020/ĐV- HTXL-QM ngày 15 tháng 4 năm 2020)

Căn cứ Hợp đồng số 154/2020/ĐV- HTXL-QM ngày 15 tháng 4 năm 2020 giữa Công ty cổ phần tập đoàn Quang Minh với Công ty TNHH công nghệ môi trường Đất Việt.

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành.

Căn cứ biên bản bàn giao, nghiệm thu tại công trình.

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại Công ty cổ phần tập đoàn Quang Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUANG MINH

Đại diện : Ông Nguyễn Đức Nam
Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Địa chỉ : Khu dân cư mới số 1, đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.
Mã số thuế : 2400337562

BÊN B: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

Đại diện là: Ông Phạm Quang Anh Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Số 86 đường Đỗ Văn Quynh, phường Xương Giang, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
Điện thoại : 02046.507.666/ 0915.539.255
Mã số thuế : 2400774322
Số tài khoản : 0731000674168 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bắc Giang.
Số tài khoản : 7611100670008 Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Bắc Giang.

Sau khi thực hiện Hợp đồng số 154/2020/ĐV- HTXL-QM ngày 15 tháng 4 năm 2020 giữa Công ty cổ phần tập đoàn Quang Minh với Công ty TNHH công nghệ môi trường Đất Việt. Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng trên, với nội dung sau:

I. Khối lượng và kinh phí thực hiện:

1. Khối lượng thực hiện:

	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI(PHẦN CÔNG NGHỆ)					
PHẦN THIẾT BỊ:					
1	Bơm nước thải - Công suất motor: P = 2.2 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: 25-45 m3/h. - Cột áp: H =19 mH2O. - Xuất xứ: Taiwan.	cái	6.000	31,657,800	189,946,800
2	Đĩa phân phối khí bể điều hòa, loại bọt thô - Lưu lượng: 1,5-8 m3/h - Kích thước D=168mm - Vật liệu màng: EPDM	cái	45.000	1,255,000	56,475,000
3	Đĩa phân phối khí bể hiếu khí, loại bọt tinh - Lưu lượng: 1,5-8 m3/h - Kích thước D=268mm - Vật liệu màng: EPDM	cái	80.000	1,355,000	108,400,000
4	Máy thổi khí cạn - Công suất motor: P = 15 kw. - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: Qmax =9.36 m3/phút - Cột áp: H = 8 mH2O. -Kích thước ống ra : 100mm - Xuất xứ: Taiwan.	cái	2.000	120,252,560	240,505,120
5	Bơm bùn tuần hoàn + bùn thải - Công suất motor: P = 0,375 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng lớn nhất: 16 m3/h. - Cột áp lớn nhất : H =8 mH2O. - Xuất xứ: Taiwan.	cái	2.000	17,457,800	34,915,600

6	Đo và kiểm soát DO. Đo và truyền tín hiệu về tủ điện trung tâm để điều tiết máy thổi khí Hãng sản xuất: Hanna	cái	1.000	55,856,000	55,856,000
7	Máy khuấy chìm. - Công suất : 0,75 kw - Lưu lượng: 3,2 m3/phút. - Điện áp: 3pha/380V/50Hz. - Xuất xứ: Taiwan.	cái	3.000	55,043,350	165,130,050
8	Bơm định lượng hóa chất (Naocl) - Model: MB155PP - Lưu lượng: Qmax =0-155 L/h - Áp Lực: 6 bar - Công suất: 0,2 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz - Đầu bơm: PP - Hãng sản xuất: OBL - Italy	cái	1.000	27,967,000	27,967,000
9	Giá thể quả cầu sinh học/m3	m3	75.000	4,980,000	373,500,000
10	Lắp đặt bể nước nhựa 1m3	cái	1.000	2,004,734	2,004,734
11	Tấm chia nước inox sus304 L1000×H250× 2mm	tấm	17.200	2,200,000	37,840,000
12	Ống lắng inox sus304 D500×H2200x2mm	cái	1.000	43,940,000	43,940,000
13	Chân đế ống lắng inox304 v5 L800×3c, 4mm	cái	3.000	4,400,000	13,200,000
14	Thanh giằng giữ miệng ống lắng hộp inox 20×40×L7000, 1,5mm	cái	2.000	4,460,000	8,920,000
15	Giá đỡ máy khuấy chìm hộp inox304 .50×50x1,5mm dài 4m	cái	3.000	5,597,600	16,792,800
16	Song chắn rác Ino304, 600x600	cái	1.000	14,915,000	14,915,000
17	Lắp đặt vỏ tủ điện điều khiển, chiều cao lắp đặt <2m	1 tủ	1.000	9,219,960	9,219,960
18	PHẦN LẮP ĐẶT ỐNG:			-	-

19	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 20mm	100m	0.120	1,985,009	238,201
20	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 25mm	100m	0.080	2,242,155	179,372
21	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 60mm	100m	1.545	4,103,315	6,339,622
22	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 80mm	100m	0.340	5,073,890	1,725,123
23	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 150mm	100m	0.020	12,340,389	246,808
24	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 200mm	100m	0.037	20,490,472	758,147
25	Lắp đặt ống thép tráng kẽm, nối bằng p/p măng sông, dài 8m, ĐK 67mm	100m	0.205	17,105,684	3,506,665
26	Lắp đặt ống thép tráng kẽm, nối bằng p/p măng sông, dài 8m, ĐK 89mm	100m	0.212	22,734,230	4,819,657
27	Lắp đặt Zắc Co, ĐK21mm	cái	1.000	182,007	182,007
28	Lắp đặt Zắc Co THÉP, ĐK65mm	cái	3.000	182,007	546,021
29	Lắp đặt CÚT nhựa, nối bằng p/p hàn, ĐK 21mm	cái	6.000	20,285	121,710
30	Lắp đặt CÚT thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 90mm	cái	6.000	207,050	1,242,300
31	Lắp đặt CÚT thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 65mm	cái	5.000	104,595	522,975
32	Lắp đặt TÊ thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 90mm	cái	1.000	207,050	207,050
33	Lắp đặt côn thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 90/65	cái	1.000	207,050	207,050
34	Lắp đặt TÊ thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 65mm	cái	1.000	104,595	104,595
35	Lắp bích thép, ĐK 90mm	cái	2.000	419,201	838,402
36	Lắp bích, ĐK 80mm	cái	12.000	291,405	3,496,860
37	Lắp bích, ĐK 60mm	cái	4.000	205,553	822,212
38	Lắp đặt KÉP THÉP, ĐK 65mm	cái	16.000	104,595	1,673,520
39	Lắp đặt côn thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 65/50	cái	3.000	104,595	313,785
40	Lắp đặt khóa 2 chiều ĐK 80mm	cái	3.000	1,076,361	3,229,083
41	Lắp đặt khóa 2 chiều ĐK65mm	cái	3.000	862,199	2,586,597
42	Lắp đặt khóa 2 chiều ĐK60mm	cái	3.000	862,199	2,586,597

43	Van đồng 1 chiều D80	cái	6.000	1,076,361	6,458,166
44	Lắp đặt khóa 2 chiều ĐK 20mm	cái	1.000	182,007	182,007
45	Van đồng 1 chiều D60	cái	2.000	862,199	1,724,398
46	Lắp đặt van BƯỚM ĐK 90mm	cái	2.000	1,122,777	2,245,554
47	Lắp đặt van ren TRONG , ĐK 21mm	cái	2.000	182,007	364,014
48	Lắp đặt van ren NGOÀI , ĐK 21mm	cái	1.000	182,007	182,007
49	Lắp đặt van ren TRONG PVC, ĐK 27mm	cái	125.000	271,424	33,928,000
50	Lắp đặt ren NGOÀI PVC, ĐK 80mm	cái	18.000	1,076,361	19,374,498
51	Lắp đặt ren NGOÀI PVC, ĐK 60mm	cái	6.000	862,199	5,173,194
52	Lắp đặt tê nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 60mm	cái	41.000	14,415	591,015
53	Lắp đặt tê nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 80mm	cái	6.000	20,845	125,070
54	Lắp đặt tê nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 60mm	cái	3.000	14,415	43,245
55	Lắp đặt tê THU nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 60/27mm	cái	125.000	14,415	1,801,875
56	Lắp đặt CÚT CHÉCH nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 200mm	cái	1.000	171,991	171,991
57	Lắp đặt bịt thông tắc nối bằng p/p dán keo, ĐK 200mm	cái	3.000	171,991	515,973
58	Lắp đặt tê nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 160mm	cái	4.000	93,341	373,364
59	Lắp đặt CÚT nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 80mm	cái	7.000	20,845	145,915
60	Lắp đặt CÚT nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 60mm	cái	4.000	14,415	57,660
61	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột 4x2,5mm ²	m	353.400	37,734	13,335,196
62	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x1mm ²	m	164.500	13,479	2,217,296
63	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột 4x1,5mm ²	m	54.400	27,263	1,483,107
64	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột 3x10+1x6mm ²	m	10.000	118,433	1,184,330
65	Lắp đặt ống nhựa chìm bảo hộ dây dẫn, ĐK 32mm	m	572.300	48,315	27,650,675
66	CÙM ỐNG D21	cái	100.000	12,500	1,250,000
67	CHỖ D21	cái	1.000		

				13,247	13,247
68	Dây Xích inox	m	32.000	95,000	3,040,000
69	Hóa chất khử trùng	kg	40.000	165,000	6,600,000
70	Máy ép bùn khung bản xuất xứ: Việt Nam Phụ kiện gồm tấm lọc bùn, vải lọc, xi lanh thủy lực, bộ nguồn thủy lực	Bộ	1.000	205,000,000	205,000,000
71	MC - 12a	cái	13.000	891,000	11,583,000
72	MC-65a	cái	2.000	4,356,000	8,712,000
73	RL-MT-65	cái	2.000	2,838,000	5,676,000
74	Rolee MT -32 (5-8)	cái	13.000	891,000	11,583,000
75	Khóa 3 vị trí +stop Inđec	cái	16.000	214,500	3,432,000
76	Role trung gian Inđec	cái	20.000	363,000	7,260,000
77	Đồng hồ (V,A)	cái	4.000	759,000	3,036,000
78	Át cài 3pha -20A (LS)	cái	13.000	858,000	11,154,000
79	Át tép 1P (LS)	cái	1.000	214,500	214,500
80	Đèn báo	cái	34.000	148,500	5,049,000
81	Tiếp điểm phụ (LS)	cái	2.000	214,500	429,000
82	Dây điện 1x1	m	600.000	9,900	5,940,000
83	Dây 1x2,5	m	60.000	19,800	1,188,000
84	Dây 1x4	m	15.000	36,300	544,500
85	Dây 1x6	m	10.000	59,400	594,000
86	Thanh lược cài át	thanh	2.000	660,000	1,320,000
87	Thanh cài át	thanh	4.000	82,500	330,000
88	Máng đi dây 35x35	cây	1.000	264,000	264,000
89	Máng đi dây 45x45	cây	5.000	297,000	1,485,000
90	Đầu cốt (2-4)	cái	1,500.000	990	1,485,000
91	Đầu cốt (5,5 -5)	cái	350.000	1,650	577,500

92	Nguồn 24V	cái	1.000	1,848,000	1,848,000
93	Kẹp đầu dây	mắt	65.000	16,500	1,072,500
94	Chống mất pha Selec	cái	1.000	1,386,000	1,386,000
95	Cầu chì ống	cái	3.000	66,000	198,000
96	Ắt khối 60A	cái	2.000	2,211,000	4,422,000
97	Ắt khối 100A	cái	1.000	2,211,000	2,211,000
98	PLC Missu	bộ	1.000	21,450,000	21,450,000
99	TI	cái	3.000	478,500	1,435,500
100	Cốt 16	cái	20.000	11,550	231,000
101	Chuyển mạch von	cái	1.000	693,000	693,000
102	Dây 1x16	m	10.000	115,500	1,155,000
103	Ắt tếp cài 2P	cái	1.000	429,000	429,000
104	Quạt thông gió	cái	1.000	759,000	759,000
105	Men visinh dạng bột	kg	20.000	250,000	5,000,000
106	Cơ chất nuôi cấy visinh	kg	150.000	25,000	3,750,000
107	Thủ tục cấp phép xả thải	lần	1.000	52,000,000	52,000,000
108	Nhân công nuôi cấy	Ngày	40.000	750,000	30,000,000
109	Nhân công thiết kế, hồ sơ	Bộ	1.000	31,249,281	31,249,281
110	Lấy mẫu phân tích nội bộ, phân tích nghiệm thu	lần	1.000	20,600,000	20,600,000
Tổng trước thuế					2,033,000,000
Thuế VAT (10%)					203,300,000
Tổng sau thuế					2,236,300,000
Bảng chữ: Hai tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn					

2. Kinh phí thực hiện: **2,236,300,000 đồng** (Bảng chữ: Hai tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn.).

II. Thực hiện thanh toán:

+ Giá trị hợp đồng: **2,236,300,000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn./).

+ Giá trị thực hiện: **2,236,300,000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn./).

+ Giá trị đã thanh toán: **1,789,040,000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm tám mươi chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./).

+ Giá trị còn lại chưa thanh toán: **447,260,000 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./).

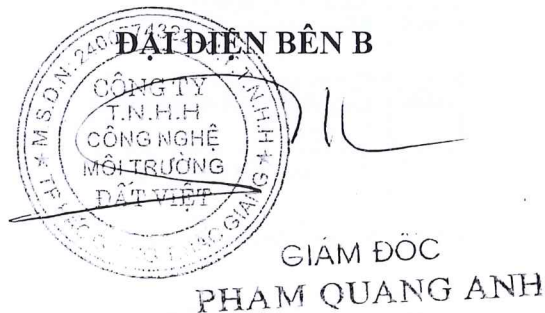
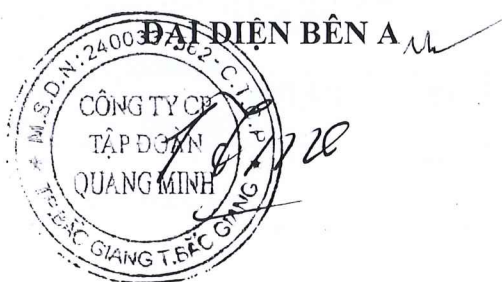
Bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền **447,260,000 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./) sau khi ký thanh lý hợp đồng này.

III. Kết luận:

- Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng số 154/2020/ĐV- HTXL-QM ngày 15 tháng 4 năm 2020.

- Nghĩa vụ của hai bên sẽ chấm dứt khi hai bên hoàn thành các công việc ghi trong hợp đồng.

- Biên bản này được lập thành 03 bản bên A giữ 02 bản bên B giữ 01 bản, các bản có giá trị như nhau.



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐỨC NAM